

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TR
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày: 23 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TR, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Ngọc Ba

2. Ông Nguyễn Văn Đém

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh V

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr, tỉnh V tham gia phiên tòa:
Ông Dương Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Dương Nguyễn N, sinh năm 1990 tại huyện C, tỉnh T

Nơi cư trú: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: nam ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam ; con ông Dương Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu V; tiền sự: chưa; tiền án: ngày 25/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xử phạt 09 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, chấp hành xong ngày 03/11/2018; tiền án: chưa. Ngoài ra, về nhân thân, ngày 12/7/2017, bị Công an xã M, huyện C, tỉnh T xử phạt 1.500.000đ, nộp phạt xong ngày 10/02/2018. Hiện tại, bị cáo đang bị Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V truy tố về tội *Trộm cắp tài sản* và bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác từ ngày 23/5/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Nguyễn Văn M, sinh năm 1980: có mặt

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Tr, tỉnh V

- *Người làm chứng:*

1. **Nguyễn Trường G**, sinh năm 1985: có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: ấp Quang Trường, xã Hiếu Thuận, huyện L, tỉnh V

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện L.

2. **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1955: có mặt

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Tr, tỉnh V

3. **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1990: có mặt

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Tr, tỉnh V

4. **Phạm Thanh P**, sinh năm 1978: vắng mặt

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện Tr, tỉnh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 15 tháng 5 năm 2019, Dương Nguyễn N được Nguyễn Trường G điều khiển xe chở từ nhà của G thuộc ấp Q, xã H, huyện L cùng đi đến ấp V, xã H, huyện Tr để G gặp Phạm Thanh P lấy tiền bán gà. Trên đường về, khoảng 19 giờ cùng ngày, khi đến ngã ba ngã ba Trạm y tế xã H, huyện Tr, tỉnh V, N phát hiện bên phải theo hướng xe đi có xe mô tô hiệu sirius biển số 64F1-xyz của anh Nguyễn Văn M đang dừng trước sân nhà có gắn sẵn chìa khóa nên nảy sinh ý định lấy trộm xe. Thực hiện ý định, N kêu G dừng xe. Sau khi G dừng lại, N xuống xe quan sát, còn G chạy xe đi. Còn lại một mình, N lén lút dẫn xe 64F1-xyz ra ngoài một đoạn rồi chạy xe theo G về nhà. Khi về cách nhà G khoảng 50m, N dừng xe bên ngoài rồi vào nhà G thay đồ (do trên đường bị mưa ướt) rồi quay lại nơi để xe, mở cốp xe kiểm tra phát hiện có 01 bóp nam bên trong có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64F1-xyz, 01 bảo hiểm xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe cùng mang tên Nguyễn Văn M nên lấy ra và đốt bỏ. Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển số 64F1-xyz đến thị trấn C, huyện C, tỉnh V bán cho Mai Quốc P (P răng) với số tiền 3.000.000đ chi xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản số 30/KLHD-ĐGTS ngày 27/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tr, giá trị tài sản xe mô tô ngày 15/5/2019 là 9.325.000đ (*chín triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng*)

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tr khởi

tổ bị can đối với Dương Nguyễn N.

Quá trình điều tra, bị cáo còn khai nhận: ngoài lần trộm cắp này, còn 03 lần trộm cắp tài sản là xe mô tô trên địa bàn huyện L cùng người khác. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L đã khởi tố bị can và tiến hành xử lý trong vụ án khác.

Tại cáo trạng số 33/CT-VKSTÔ, ngày 20 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr truy tố Dương Nguyễn N về tội *Trộm cắp tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Nguyễn N thay đổi lời khai với lý do lời khai tại cơ quan điều tra không đúng do tác hại của việc sử dụng nhiều chất ma túy nên không tinh táo khi khai báo. Đồng thời, bị cáo khai nhận: Giữa bị cáo và Nguyễn Trường G có quan hệ bạn bè thông qua người bạn khác quen trong quá trình chấp hành án. Hôm xảy ra sự việc, bị cáo từ nhà sang nhà G chơi và theo G đi lấy tiền. Sau khi G chở đi lấy tiền gà về, do trời mưa, chỉ có 01 áo mưa do G mặc nên G ngừng xe lại để bị cáo đi sang đường trú mưa, còn G đi tìm nơi đỗ xăng và mua thức ăn. Trong lúc trú mưa, nhìn sang đường, bị cáo thấy có xe bị hại không khóa nên nảy sinh ý định lấy trộm xe liền một mình sang bên đường lén lấy xe của anh M mang ra ngoài nổ máy xe chạy về nhà G. Do nhà G bên trong, phải đi qua nhà khác đã khóa cổng nên bỏ xe bên ngoài, đi đường khác một mình vào nhà G lấy đồ thay rồi quay ra xe, mở cốp xe thấy bóp và các giấy tờ liền lấy đốt bỏ vì sợ bị phát hiện rồi điều khiển xe ngay trong đêm bán cho Phong ở thị trấn Càng Long được 3.000.000đ, hôm sau về lại nhà G và chi xài cá nhân hết. Bị cáo xác định lời khai tại cơ quan điều tra là chưa đúng vì G không biết việc bị cáo trộm xe, không có sử dụng tiền bán xe. Do vậy, nội dung vụ việc như kết luận điều tra và cáo trạng nêu là đúng sự thật, đồng thời xác định lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, việc truy tố là đúng tội, không oan. Bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Văn M trình bày: khoảng 18 giờ, anh M điều khiển xe con đi chích thuốc về, do trời mưa nên bóp đựng giấy tờ bỏ trong cốp xe, khoảng hơn 20 giờ khi nghe cha là ông L nói không thấy xe mới biết xe bị mất liền trình báo công an. Xe mua khoảng một năm giá khoảng 21 triệu nay định giá còn 9.325.000đ cũng thống nhất; ngoài mất xe còn bị mất giấy chứng minh nhân dân, đăng ký xe, bảo hiểm xe, giấy phép lái xe hiện chưa làm lại được. Bị hại thống nhất chỉ yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo, không yêu cầu xem xét xử lý đối với Nguyễn Trường G do lời khai của bị cáo tại phiên tòa cũng phù hợp. Về hình phạt,

đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, do xe không nhận lại được nên chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe, về thiệt hại chi phí làm giấy tờ thì không có yêu cầu.

Người làm chứng Nguyễn Văn L trình bày: chiều tối hôm xảy ra sự việc, con ông là anh M chở con đi chích thuốc về có để xe bên ngoài, phía hàng ba. Sau đó, đến khoảng 9 giờ tối thì phát hiện xe bị mất. Hôm xảy ra sự việc, trời đổ mưa, phía đối diện bên kia đường có nhà tiền chế có thể trú mưa được.

Người làm chứng Nguyễn Văn V trình bày hôm xảy ra sự việc, gia đình để bên ngoài 05 xe, chỉ có xe anh M không có khóa. Sau đó phát hiện mất xe như anh M trình bày. Hôm xảy ra sự việc, trời đổ mưa và phía đối diện bên kia đường có nhà có thể trú mưa như như ông L trình bày. Gần nhà bị hại, bên kia cầu cũng có cây xăng có thể đỗ xăng như bị cáo khai.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội và đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội *Trộm cắp tài sản*

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị xử phạt bị cáo: 01 năm – 01 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn nêu quan điểm về xử lý vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Trong lời khai sau cùng, bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và hoạt động tố tụng

Tội phạm được xác định đã xảy ra trên địa bàn huyện Tr thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự huyện Tr, tỉnh V khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử là đúng thẩm quyền. Quá trình điều tra, khởi tố, cơ quan tiến hành tố tụng cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt không khiếu nại về hoạt

động tổ tụng nên xác định hoạt động tố tụng và chứng cứ được thu thập là hợp pháp.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng

Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt không trở ngại cho việc xét xử nên không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 297 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa tuy có thay đổi so với lời khai tại cơ quan điều tra nhưng phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, phù hợp lời khai bị hại, người làm chứng cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó xác định: Khoảng 19 giờ ngày 15 tháng 5 năm 2019, Dương Nguyễn N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn Văn M là 01 xe mô tô có giá trị 9.325.000đ thuộc trường hợp từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ và không thuộc trường hợp định khung tăng nặng nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đã trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Chỉ vì để có tiền sử dụng ma túy và chi xài cá nhân, trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã liên tục thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản khi chưa được xóa án tích cùng về tội danh nên thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy, cần phải bị xử phạt phù hợp để giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo bao gồm: Tại phiên tòa đã khai báo tương đối đầy đủ thể hiện sự thành khẩn và sau khi vụ án được phát hiện, trong giai đoạn điều tra tại L, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội tại Tr thuộc trường hợp có thể coi là đầu thú. Tại phiên tòa, bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do bị cáo có tiền án và đang bị xử lý trong vụ án khác cùng hành vi phạm tội trộm cắp tài sản liên tục trước và sau khi bị truy tố trong vụ án này. Đồng thời

tài sản chưa được thu hồi, giá trị tài sản đã đủ cấu thành tội phạm thuộc trường hợp nghiêm trọng nên việc kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ giá trị thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đối với Nguyễn Trường G có hành vi điều khiển xe chở bị cáo đi trước lúc xảy ra hành vi phạm tội, cơ quan điều tra và viện kiểm sát không chứng minh được vai trò đồng phạm. Tại phiên tòa, bị cáo khẳng định chỉ một mình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, G không biết, không tham gia, không sử dụng tiền từ bán xe có được. Bị hại cũng thống nhất lời trình bày của bị cáo nên không đủ cơ sở xem xét xử lý. Đối với Mai Quốc P (P rắng) có hành vi tiêu thụ xe do bị cáo trộm cắp mà có, cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra nên khi nào có quyết định truy tố sẽ giải quyết sau.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Công nhận thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 9.325.000đ.

[4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra không có thu giữ nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và $9.325.000đ \times 5\% = 466.250đ$. Tổng cộng 666.250đ (*sáu trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng*)

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của vị kiểm sát viên và một phần yêu cầu của bị cáo, bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Dương Nguyễn N** phạm tội: “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt bị cáo **Dương Nguyễn N: 01 (một) năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận thỏa giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo Dương Nguyễn N phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn M số tiền 9.325.000đ (*chín triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Dương Nguyễn N nộp 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 466.250đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 666.250đ (*sáu trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng*)

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh V;
- VKSND tỉnh V;
- Sở tư pháp tỉnh V;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh V;
- VKSND huyện Tr;
- Cơ quan CSĐT - CA huyện Tr;
- Cơ quan THA hình sự huyện Tr;
- Chi cục THADS huyện Tr;
- UBND xã M;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lâm Triệu Hữu